

Số: 397 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 07 tháng 6 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 31/5 – 6/6/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 28,7 – 30,2°C; Cao nhất: 36,9°C; Thấp nhất: 21,2°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 74 – 81%; Thấp nhất: 45%.
- Tổng số giờ nắng: 63– 85 giờ.
- Lượng mưa: 30 – 132 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng nóng, chiều có mưa trên diện rộng, một số nơi mưa vừa, mưa to.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xuống giống 16.210 ha/22.185 ha, đạt 73% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: mạ (4.731 ha), đẻ nhánh (11.479 ha).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con	13.010/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Nuôi trái, thu hoạch	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Các giai đoạn	17.087
Điều	Chăm sóc	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Các giai đoạn	17.172

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Lúa vụ Hè Thu giai đoạn xuống giống, mạ, đẻ nhánh. SVH có xu hướng giảm do nông dân chủ động phòng trừ: Ốc bươu vàng DTN 302 ha giảm 81 ha, bọ trĩ DTN 20 ha giảm 62 ha, bệnh đạo ôn lá DTN 96 ha giảm 112 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn cây con, SVH chủ yếu là sâu xám DTN 67 ha tăng 55 ha.
- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả: Tình hình thời tiết ngày nắng nóng, chiều tối có mưa, tạo điều kiện cho một số SVH phát triển.
 - + Cây có múi: SVH có xu hướng tăng. Sâu vẽ bùa DTN 433 ha tăng 227 ha, nhện nhỏ DTN 123 ha tăng 108 ha.
 - + Chôm chôm: Rệp sáp DTN 184 ha tăng 13 ha, bệnh cháy mép lá DTN 153 ha tăng 22 ha.
 - + Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 633 ha tăng 230 ha, bệnh nấm hồng 415 ha tăng 274 ha, bệnh thối trái DTN 238 ha tăng 168 ha.
 - + Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 89 ha tăng 2 ha, có 4 ha nhiễm nặng.
- Cây công nghiệp:
 - + Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 1.067 ha tăng 297 ha, bệnh chết chậm DTN 1.117 ha tăng 272 ha, có 6 ha nhiễm nặng.
 - + Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH giảm mạnh: bệnh thán thư DTN 96 ha giảm 7 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, bọ trĩ, rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá, bệnh bạc lá và các SVH khác.
- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.
- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.
- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, bệnh cháy gôm (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).
- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây; thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

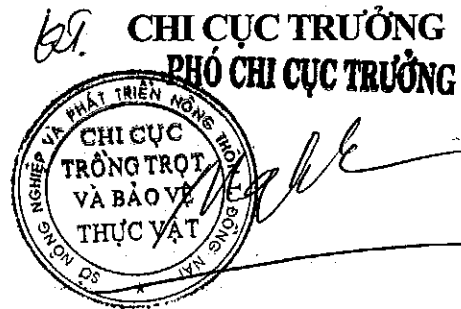
- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.





DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 31/5 đến ngày 6/6/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		430	3	0	433	0	227.0	212.0	355	Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		123	0	0	123	0	108.0	99.0	60	Định Quán, Tân Phú
Chôm chôm	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13		184	0	0	184	0	13.0	84.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	10 - 12		151	2	0	153	0	22.0	35.0	59	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh muội đen	Các giai đoạn	1 - 15		65	3	0	68	0	16.0	26.0	6	Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		88	5	0	93	0	0.0	-79.0	35	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		29	0	0	29	0	0.0	-92.0	25	Thống Nhất
	Bệnh chùn đọt VR	Các giai đoạn	18		27	0	0	27	0	0.0	12.0	19	Thống Nhất
Mãng cụt	Bệnh cháy gôm quả	Nuôi quả	3 - 5		25	0	0	25	0	10.0	25.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		633	0	0	633	0	230.0	487.0	385	Tân Phú, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15		415	0	0	415	0	274.0	324.0	330	Tân Phú, Cẩm Mỹ
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		367	0	0	367	0	50.0	268.0	164	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh thối trái	Các giai đoạn	5 - 10		238	0	0	238	0	168.0	133.0	210	Tân Phú, Cẩm Mỹ

Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	66	19	4	89	0	2.0	33.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Các giai đoạn	4 - 5		97	0	0	97	0	97.0	97.0	50	Định Quán, Vĩnh Cửu
	Bệnh thán thư	Nuôi trái-TH	5		23	0	0	23	0	-2.0	7.0	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Ra lộc, bông, trái	10 - 17		39	0	0	39	0	2.0	21.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	5		20	0	0	20	0	0.0	15.0	14	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		607	8	0	615	0	7.0	145.0	37	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		368	4	0	372	0	2.0	192.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		346	3	0	349	0	-245.0	-40.0	30	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, TX Long Khánh
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		191	15	0	206	0	9.0	-109.0	31	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		409	0	0	409	0	1.0	158.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 20		197	1	0	198	0	-82.0	129.0	16	Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Chăm sóc	8 - 11		268	2	0	270	0	8.0	123.0	25	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh thán thư	Chăm sóc	5 - 12	25	83	13	0	96	0	-7.0	2.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	12 - 15	882	229	6	1117	0	272.0	532.0	52	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		1020	47	0	1067	0	297.0	360.0	54	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	749	28	1	778	0	-83.0	518.0	15	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	724	47	4	775	0	507.0	-89.0	105	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4	156	9	2	167	0	-23.0	78.0	35	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		4	0	0	4	0	0.0	0.0	0	Trảng Bom

	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		4	0	0	4	0	1.0	-1.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	1.0	4.0	0	Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	2 năm	1		2	0	0	2	0	2.0	2.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	5 - 9		67	0	0	67	0	55.0	9.0	26	Xuân Lộc, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom
	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn, trở cò	15		8	0	0	8	0	6.0	5.0	8	Thống Nhất
	Rệp ngô	Các giai đoạn			6	0	0	6	0	0.0	4.0	4	Thống Nhất
Lúa	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh	1 - 15		295	7	0	302	0	-81.0	-251.0	276	Định Quán, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Bệnh đạo ôn lá	Mạ-đẻ nhánh	2 - 5		96	0	0	96	0	-112.0	-384.0	85	Long Thành, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TP Biên Hòa
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh	10		30	0	0	30	0	-39.0	-12.0	50	Vĩnh Cửu
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh	7		16	4	0	20	0	-62.0	-44.0	0	Trảng Bom
	Rầy nâu	Mạ-đẻ nhánh	120		16	0	0	16	0	1.0	-24.0	14	Thống Nhất, TP Biên Hòa
Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 20	30	20	0	0	20	0	16.0	18.0	20	Long Thành, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	8	20	10	0	0	10	0	5.0	2.0	10	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	16	3	0	19	0	5.0	19.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	20	13.5	4.5	0	18	0	11.0	11.0	13	Nhon Trạch, Long Thành, Trảng Bom
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	30	50	12	2	0	14	0	8.0	11.0	12	Nhon Trạch, Thống Nhất
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		13.5	6	0	19.5	0	10.5	12.5	19.5	Nhon Trạch, Long Thành, TP Biên Hòa
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	3 - 10	20	9.3	6.5	0	15.8	0	7.8	4.8	0.8	Nhon Trạch, Trảng Bom, TP Biên Hòa
Rau cải ăn lá	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	2 - 10		14	0	0	14	0	5.0	11.0	10	Thống Nhất, Nhơn Trạch
	Bọ nhảy	Các giai đoạn	1 - 10		10.5	0.5	0	11	0	-8.0	-25.0	4	Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	5		10	0	0	10	0	1.0	6.0	5	Nhon Trạch, Vĩnh Cửu

Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			14	0	0	14	0	7.0	14.0	14	Thông Nhất
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn			10	0	0	10	0	5.0	10.0	10	Thông Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		2.5	0.5	0	3	0	-1.0	0.0	0	Tràng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	-1.0	2.0	0	Tràng Bom
Rau thập tự	Bọ nhậy	Các giai đoạn	30		1	0	0	1	0	1.0	1.0	1	TP Biên Hòa
	Sâu tơ	Các giai đoạn	10		0.5	0	0	0.5	0	0.5	0.5	0.5	TP Biên Hòa